

GÓP PHẦN NHẬN DIỆN SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI - TÔN GIÁO Ở NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PHẠM MINH ANH*

Cơ cấu xã hội - tôn giáo là một bộ phận của cơ cấu xã hội, được xây dựng dựa trên niềm tin và các mối quan hệ, các thiết chế tôn giáo. Nói đến cơ cấu xã hội - tôn giáo là nói đến những cộng đồng người với các vị thế xã hội khác nhau cùng tin theo một tôn giáo hay tổ chức tôn giáo dựa trên nền tảng tín lý, giáo lý và thực hành nghi thức thờ cúng. Cộng đồng này ở một số tôn giáo còn được tổ chức thành hội, đoàn hoặc các tổ chức tương tự.

Việt Nam vốn là quốc gia đa tôn giáo: ngoài hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo bản địa, hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới đều có mặt ở nước ta. Trong thời kỳ Đổi mới, tình hình đời sống tôn giáo, đặc biệt là cơ cấu xã hội - tôn giáo ở nước ta đã và đang có những biến đổi mạnh mẽ và rất cần được nghiên cứu, nhận diện.

Bài viết sẽ đi qua diện mạo các tôn giáo và một số thay đổi trong cơ cấu xã hội tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới trên cơ sở các số liệu thống kê tôn giáo chính thức được cập nhật.

1. Sự biến đổi diện mạo tôn giáo ở Việt Nam

1.1. Sự biến đổi về cơ cấu xã hội - dân số tôn giáo

Trong một thời gian dài, do nhiều lý do, ở nước ta có rất ít các cuộc điều tra dân số tôn giáo. Chỉ đến cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 1999, lần đầu tiên, những chỉ báo về *dân số tôn giáo* mới được chú ý, song cũng chỉ những tôn giáo *được công nhận* mới được đưa vào phiếu điều tra. Vào thời điểm đó, ở Việt Nam chỉ có 6 tôn giáo được công nhận bao gồm Phật giáo, Công giáo, Tin lành (“Tin lành chính thống”, thuộc Hội Thánh Tin lành miền Bắc và miền Nam), Hồi giáo, Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo (Tổng cục Thống kê, 2001:121). Mười năm sau, đến cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009, thêm 7 tôn giáo mới được công nhận và đã được đưa vào phiếu điều tra gồm: Minh sư đạo, Minh lý đạo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Tứ ân hiếu nghĩa, Bửu sơn kỳ hương, đạo Baha’i và đạo Balamôn (Tổng cục Thống kê, 2011: 281).

Năm 2014, theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ, cả nước có 14 tôn giáo, với 38 hệ phái và 1 pháp môn đã được công nhận, trên 24 triệu tín đồ, chiếm 27% dân số cả nước.

* TS, Viện Xã hội học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Thống kê số liệu tôn giáo tính đến tháng 12/2014

STT	Tên tổ chức tôn giáo	Số tín đồ	Số chức sắc, nhà tu hành	Số cơ sở thờ tự
1	Phật giáo	12.000.000	47.000	15.500
2	Công giáo	6.500.000	21.000	6.000
3	Tin lành	1.500.000	3.000	500
4	Cao Đài	2.471.000	13.722	1.331
5	Phật giáo Hòa Hảo	1.260.000	2.579	39
6	Hồi giáo	72.732	700	77
7	Baha'i	7.000		
8	Tứ ân Hiếu nghĩa	70.000	409	78
9	Bửu sơn Kỳ hương	15.000	19	
10	Tịnh độ Cư sĩ Phật hội	1.500.000	4.800	206
11	Phật đường Minh sư đạo	11.124	300	54
12	Minh lý Tam tông miếu	1.058	72	4
13	Bàlamôn	54.068	158	37

Nguồn: Số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2014.

So với số liệu năm 2009, số tín đồ của tất cả các tôn giáo đều tăng rất nhanh, trong đó, đặc biệt Phật giáo từ 7 triệu đã lên tới 12 triệu (13,25% dân số). Tín đồ Công giáo tương đối ổn định: khoảng 6,5 triệu (chiếm khoảng 7,1% dân số); Một số tôn giáo khác như Tin lành có khoảng 1,5 triệu tín đồ (1,6% dân số), Tịnh độ Cư sĩ Phật hội lên tới 1,5 triệu; tín đồ Cao Đài tăng lên tới trên 2,4 triệu người, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo là 1,4 triệu người.

Số lượng tín đồ các tôn giáo ở Việt Nam tăng lên nhanh là do có hàng loạt tôn giáo mới được công nhận và thay đổi. Đặc biệt tín đồ đạo Tin lành có sự gia tăng đột biến (từ 410.134 lên trên 1,5 triệu). Các tôn giáo cũng tăng từ 6 tôn giáo lên tới 14 tôn giáo (38 tổ chức hệ phái và 1 pháp môn) đã được công nhận tư cách pháp nhân về mặt tổ chức. Điều đó cho thấy hệ thống tôn giáo ở nước ta ngày càng mở rộng và đa dạng hóa.

1.2. Sự biến đổi cơ cấu xã hội - địa tôn giáo

Sự biến đổi cơ cấu xã hội - tôn giáo ở nước ta diễn đồng thời trên các vùng địa lý khác nhau, trong đó biến đổi nhiều nhất là ở các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

Tôn giáo ở vùng Tây Bắc¹

Vùng Tây Bắc hiện có 3 tôn giáo đang hoạt động, gồm Công giáo, Phật giáo và Tin

¹ Vùng Tây Bắc được tính theo quyết định của Bộ Chính trị, gồm 11 tỉnh: Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Phú Thọ và các huyện phía Tây của tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, với dân số hơn 11 triệu người, trên 30 dân tộc, trong đó có 63% là người dân tộc thiểu số.

lành. Theo số liệu thống kê năm 1999, các tỉnh Tây Bắc có 290.110 tín đồ các tôn giáo, trong đó Phật giáo có 68.122 người, Công giáo 204.502 người và Tin lành có 13.309 người. Đến năm 2008, số Phật tử đã tăng lên 107.825, Công giáo 240.740 người. Đạo Tin lành mới xâm nhập vào vùng Tây Bắc nhưng có sự phát triển đột biến, đặc biệt trong vùng đồng bào dân tộc Mông. Trước năm 1985, ở khu vực các tỉnh Tây Bắc chưa có tín đồ theo đạo Tin lành. Đến đầu năm 2009, toàn khu vực có 9 tổ chức, hệ phái Tin lành đang hoạt động với 126.766 tín đồ, có khoảng 800 điểm nhóm ở 1.090 thôn bản. Đến năm 2014, số tín đồ theo đạo Tin lành ở khu vực đã tăng lên 135.000 người, chủ yếu là người Mông. Như vậy, tín đồ đạo Tin lành ở vùng Tây Bắc đã vượt số tín đồ của Phật giáo, trở thành tôn giáo có số lượng tín đồ đứng thứ hai (sau Công giáo) và là tôn giáo có số lượng tín đồ là người dân tộc thiểu số nhiều nhất trên địa bàn.

Tôn giáo ở vùng Tây Nguyên

Tây Nguyên có 4 tôn giáo chính là Phật giáo, Công giáo, Tin lành và Cao Đài. Theo số liệu năm 1999, các tỉnh Tây Nguyên có 1.807.311 tín đồ các tôn giáo, chiếm 41% dân số trong toàn vùng, trong đó đạo Công giáo có 635.615 tín đồ, Phật giáo có 389.416 người, đạo Cao Đài có 20.633 tín đồ và đạo Tin lành có 244.769 tín đồ. Công giáo có mặt sớm nhất, vào giữa thế kỷ XIX ở các dân tộc thiểu số tại chỗ, tiếp đến là Tin lành, ở các dân tộc thiểu số tại chỗ, và Phật giáo của người Kinh vào đầu thế kỷ XX, và đạo Cao Đài ở người Kinh vào giữa thế kỷ XX.

Tin lành là tôn giáo có tốc độ phát triển nhanh nhất so với các tôn giáo khác ở Tây Nguyên. Được du nhập vào Tây Nguyên vào đầu những năm 1930, đến năm 1954 tây Nguyên đã có khoảng 6.000 người dân tộc thiểu số theo đạo Tin lành. Năm 1975, toàn khu vực có khoảng 60.000 người thuộc 16 dân tộc tại chỗ theo đạo. Đến năm 2014, đạo Tin lành ở Tây Nguyên có khoảng trên dưới 500.000 tín đồ, thuộc 31 hệ phái khác nhau. Riêng Tổng Liên hội Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) đã chiếm khoảng 80% tổng số tín đồ theo đạo Tin lành trong khu vực.

Ngoài ra, ở Tây Nguyên còn có các hiện tượng tôn giáo mới như Thanh Hải Vô Thượng sư, đạo Amí (xuất phát từ đạo Tin lành), Canh Tân Đặc sủng (từ Công giáo), đặc biệt là đạo Hà Mòn - một biến thể của đạo Công giáo thờ Đức Mẹ hiện hình, xuất hiện vào đầu những năm 2000, phát triển khá nhanh và mạnh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai.

Tôn giáo vùng Tây Nam Bộ

Địa bàn Tây Nam Bộ hiện có 10 tôn giáo gồm Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Hồi giáo (Islam), Minh sư đạo, Baha'i, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Tứ ân Hiếu nghĩa, Bửu sơn Kỳ hương và một số tôn giáo khác. Theo số liệu thống kê của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, tính đến cuối năm 2011, toàn vùng có 10 tôn giáo đã được công nhận với 30 tổ chức hệ phái, 5.877.577 tín đồ (chiếm 35,87% dân số), 25.034 chức sắc, nhà tu hành, 26.279 chức việc và 4.388 cơ sở thờ tự. Ngoài ra, còn có các tổ chức mang màu sắc tôn giáo như Đạo Dừa, Đạo Nắm và các hiện tượng tôn giáo mới như Thanh Hải Vô Thượng sư.

Tại vùng đồng bằng sông Hồng

Ở đồng bằng sông Hồng, nổi bật là sự xuất hiện và tồn tại hàng loạt *hiện tượng tôn giáo mới* từ đầu những năm 1990 đến nay. Qua điều tra thực tế, tính đến năm 2014, thành phố Hà Nội có 19 hiện tượng tôn giáo mới (Ngô Hữu Thảo, Đào Văn Bình, 2014: 76-109). Thành phố Hải Phòng có đạo Ngọc Phật Hồ Chí Minh, đạo Long Hoa Di Lặc, đạo Quân Tiên, đạo Thiên Nhiên, đạo Hội Phật Thiện, đạo Hội Phật Mẫu, đạo Hoa Vàng, đạo Hội Phật Trời Vua Cha Hoàng; tỉnh Thái Bình có đạo Thanh Hải Vô Thượng Sư, đạo Ngọc Phật Hồ Chí Minh, đạo Cô Non; tỉnh Thái Nguyên có đạo Ngọc Phật Hồ Chí Minh, đạo Cửu Thiên Đỉnh; đạo tỉnh Hải Dương có đạo Long Hoa Di Lặc, tà đạo Chân Không, đạo Ngọc Phật Hồ Chí Minh,...

Tại địa bàn các tỉnh Đông Nam Bộ

Tại địa bàn các tỉnh Đông Nam Bộ, sự biến đổi cơ cấu xã hội - tôn giáo chủ yếu do tình trạng di dân tới các khu, cụm công nghiệp ở các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh, cùng với tôn giáo của họ ồ ạt chuyển về khu vực này. Số lượng tín đồ của các tôn giáo cũng tăng lên khá nhanh. Tại Đồng Nai năm 2009 có 797.702 tín đồ Công giáo, đến năm 2012, đã tăng lên 990.000 giáo dân. Tại Bình Dương, năm 2001, có 48.264 tín đồ Công giáo, đến năm 2009, tăng lên 76.833 người. Tín đồ Phật giáo từ 1.000.000 người (2002), tăng lên 1.164.930 người (2009). Sự gia tăng đó chủ yếu do tín đồ tôn giáo từ các địa phương khác di cư đến.

2. Sự biến đổi về cơ cấu hệ thống tôn giáo

Sự biến đổi cơ cấu hệ thống tôn giáo ở nước ta vừa qua trước hết biểu hiện ở sự thay đổi về *loại hình tôn giáo* theo hướng ngày càng đa dạng. Trước năm 1985, hệ thống tôn giáo ở nước ta có ba *loại hình* chính: một là, *loại hình các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa*, hai là, *loại hình các tôn giáo nhập nội*, ba là, *loại hình các tôn giáo bản địa*. Từ năm 1986 đến nay, xuất hiện *bộ phận thứ tư*, đó là các “*hiện tượng tôn giáo mới*” (Đỗ Quang Hưng, 2014: 174-175), dân gian quen gọi là *đạo lạ, tà đạo, giáo phái*.

Theo thống kê của hơn 30 tỉnh thành, vào tháng 6 năm 1997 có 32 tên gọi “đạo lạ” khác nhau với hàng chục nghìn người theo. Đến năm 2014, có gần 80 tên gọi khác nhau về các đạo lạ ở nước ta (Ngô Hữu Thảo, Nguyễn Văn Bình, 2014: 46-47).

Việc thống kê số lượng người theo hiện tượng tôn giáo mới cho đến nay là rất khó bởi các hiện tượng tôn giáo mới này chủ yếu chỉ là những nhóm nhỏ với nhiều tên gọi khác nhau, lại hoạt động rải rác trên địa bàn cả nước. Hơn nữa, nhiều hiện tượng tôn giáo mới này chưa được Nhà nước công nhận, nên các “tín đồ” không dám nhận mình theo đạo. Ở một số địa phương, các cơ quan chức năng thường chỉ đưa ra những con số tương đối, hàng chục vạn người theo hiện tượng tôn giáo mới (Ngô Hữu Thảo, Nguyễn Văn Bình, 2014: 45-46).

Nếu như bốn loại hình *tôn giáo, tín ngưỡng bản địa; tôn giáo nhập nội; tôn giáo nội sinh và hiện tượng tôn giáo mới* nêu trên phản ánh chiều hướng phát triển khách quan của đời sống tôn giáo, thì việc *tái cấu trúc bên trong* của từng tôn giáo đang làm thay đổi địa vị pháp lý của tôn giáo và phản ánh bước tiến về luật pháp tôn giáo ở nước ta.

Trong việc tái cấu trúc tôn giáo ở Việt Nam, vai trò chủ thể của nhà nước mang tính quyết định. Các tôn giáo muốn được hoạt động hợp pháp và được công nhận phải đáp ứng được với các tiêu chí quy định trong luật pháp.

Từ khi có Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị (16-10-1990), về *Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* và Chỉ thị 37 của Bộ Chính trị (2-7-1998) về *Công tác tôn giáo trong tình hình mới*, đã có hàng loạt tôn giáo được Nhà nước thừa nhận. Từ năm 1990 đến năm 2005, trước khi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ra đời, đã có thêm 3 tôn giáo, gồm Hồi giáo (2 Ban đại diện), Cao Đài (9 hệ phái), Phật giáo Hòa Hảo và Hội Thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam), nâng lên 6 tôn giáo với 16 hệ phái, tổ chức được công nhận.

Hệ thống tôn giáo “được thừa nhận” thể hiện rõ nét tính đa nguyên và đặc tính địa tôn giáo ở Việt Nam: Nam Bộ, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ, đồng bằng sông Hồng, Tây Bắc là những khu vực đậm đặc về tôn giáo (cả số lượng và loại hình) ở Việt Nam.

3. Sự biến đổi cơ cấu dân tộc - tôn giáo

Trước Đổi mới, ở nước ta đã có một số cộng đồng dân tộc - tôn giáo như cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ gắn với Phật giáo Nam tông. Đồng bào Chăm gắn với ba tôn giáo và hình thành ba cộng đồng dân tộc Chăm - tôn giáo: người Chăm theo đạo Balamôn, người Chăm theo đạo Bani ở Ninh Thuận, Bình Thuận và người Chăm theo đạo Islam ở Nam Bộ.

Ở Tây Nguyên, đã hình thành một số cộng đồng tộc người - tôn giáo như người Xơđăng, Bana, Giarai (Kon Tum, Gia Lai), người Cơho (Lâm Đồng), người Xtiêng, người M'ông (Bình Phước) theo Công giáo. Người Êđê, Cơho, Churu, Chăm, Bru-Vân Kiều,... theo đạo Tin lành.

Tại khu vực miền núi phía Bắc, ngoài bộ phận người Mường, người Thái ở Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, một số ít người Mông ở Lào Cai, Yên Bái, người Tày, Nùng ở Lạng Sơn, Cao Bằng cùng theo Công giáo; một bộ phận người Dao Đỏ ở Lạng Sơn theo đạo Tin lành, còn hầu hết đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là người Mông, người Dao theo tín ngưỡng truyền thống. Các cộng đồng tộc người - tôn giáo nêu trên đã hình thành từ lâu và khá ổn định.

Bước vào thời kỳ Đổi mới, các cộng đồng tộc người - tôn giáo nêu trên đã có những thay đổi. Hiện nay ở Việt Nam có 14 tôn giáo với 38 tổ chức và 01 pháp môn tôn giáo đã được nhà nước công nhận. Các tôn giáo đang có xu hướng cố kết thành những cộng đồng dân tộc - tôn giáo mới. Đó là những cộng đồng dân tộc cùng theo một tôn giáo, được cố kết bởi tôn giáo, bị chi phối bởi giáo lý, giáo luật tôn giáo. Ở đó, yếu tố tộc người (hay dân tộc) bị chi phối bởi yếu tố tôn giáo. Sự chi phối này thường thể hiện ở một số lĩnh vực như: thiết chế tôn giáo/hành chính đạo và thiết chế cộng đồng. Chúng ảnh hưởng qua lại nhau, có khi là song hành, có khi cái này trùm lấp lên cái kia hoặc có thể thiết chế này nêu theo thiết chế kia. Chẳng hạn, đơn vị hành chính đạo cơ sở các tôn giáo như xứ đạo (Công giáo), chi hội (Tin lành), hương đạo (Cao Đài) dựa vào đơn vị làng, bản, buôn, sóc để thiết lập.

Sự xuất hiện các cộng đồng dân tộc - tôn giáo mới đã làm thay đổi mối quan hệ và địa vị xã hội trong các cộng đồng dân tộc truyền thống. Trong đó, tôn giáo có vai trò, vị trí rất quan trọng trong việc cố kết cộng đồng tộc người dựa trên nền tảng các đức tin tôn giáo, cùng thờ chung một đối tượng thiêng. Đời sống chính trị, văn hoá - xã hội của cộng đồng bị chi phối bởi tín lý, giáo lý của tôn giáo. Văn hoá tôn giáo và văn hoá tộc người hoà trộn vào nhau, rất khó bóc tách.

4. Dự báo xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội - tôn giáo

4.1. Xu hướng “thế tục hoá” tôn giáo

Thế tục hoá là quá trình thích nghi của tổ chức giáo hội các tôn giáo với những điều kiện đang thay đổi của thế giới đương đại. Về bản chất, các tôn giáo đều liên quan đến thần thánh, trời, phật, và những phép màu. Nhưng sự phát triển của khoa học, kỹ thuật cùng với việc nâng cao dân trí, thông tin đa chiều, toàn diện và phong phú của thời hiện đại đang làm cho niềm tin tôn giáo vốn mang nhiều tính chất hư ảo có phần bị phai nhạt dần.

Trong xu hướng thế tục hoá tôn giáo còn xuất hiện xu hướng thương mại hoá, thực dụng, tôn sùng vật chất đến mức như “gọi khách hàng là thượng đế” (vì Thượng đế đem tiền bạc đến cho họ). Trong số những người quỳ lạy Thượng đế này, không chỉ có những nhà tư bản hay triệu phú, mà còn cả những nhà tôn giáo, các nhà chính trị” (Linh mục Thiện Cẩm, 2004: 6-7).

4.2. Xu hướng hiện đại hóa tôn giáo

Hiện đại hoá tôn giáo là những chuyển biến của tôn giáo thích ứng đối với tiến trình dân chủ và hiện đại hoá xã hội. Đây là một quá trình lâu dài và phức tạp, song xu hướng “hiện đại hoá” này cũng đã hiện hữu ở các nước phát triển. Ở nước ta, cùng với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước tất yếu sẽ diễn ra quá trình “hiện đại hoá” tôn giáo. Tiếp cận với sự phát triển của xã hội hiện đại, tôn giáo cũng tiến hành những cải cách nhằm xoá bỏ những yếu tố lạc hậu, đồng thời tìm cách thích ứng với những giá trị mới. Sau nữa, từ thái độ thù địch với khoa học kỹ thuật, tôn giáo bắt đầu có thái độ thừa nhận sự phát triển của khoa học, kỹ thuật hiện đại cùng những thành quả của nó, lợi dụng những thành quả của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, tin học... để phục vụ cho sự phát triển tôn giáo.

4.3. Xu hướng dân tộc hóa tôn giáo

Các tôn giáo ở nước ta một mặt đang có xu hướng cải cách, tự đổi mới để phù hợp với thời hiện đại, mặt khác cũng có xu hướng trở về với người có công với Tổ quốc và nhân dân; thờ mẫu, thờ Thành, các phong tục, truyền thống, lễ hội, tín ngưỡng dân gian. Các hoạt động thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những Thành Hoàng, tín ngưỡng phồn thực, hiện tượng quy tụ phân mộ, xây sửa nhà thờ họ... trong mấy thập kỷ gần đây là hiện tượng trở lại cội nguồn của văn hoá tâm linh trong cộng đồng dân tộc. Xu hướng này thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” có tính truyền thống, đồng thời cũng nhằm bảo vệ bản sắc tôn giáo và văn hoá dân tộc trước xu hướng toàn cầu hoá hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Dân tộc - Tôn giáo, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. *Báo cáo tình hình công tác tôn giáo các năm 2011, 2012 và 2013*.
- Ban Tôn giáo Chính phủ. 2006. *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*. Hà Nội.
- Đỗ Quang Hưng. 2014. *Chính sách tôn giáo và nhà nước pháp quyền*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Linh mục Thiện Cẩm. 2004. *Nguyệt san Công giáo và dân tộc*, số 110, tháng 2, tr.6, 7.
- Ngô Hữu Thảo, Đào Văn Bình. 2014. *Đạo lạ ở Hà Nội hiện nay và những vấn đề đặt ra*. Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 2001. *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. 2011. *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*. Nxb Thống kê, Hà Nội.